

Số: 2667 /KH-STNMT

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 12 năm 2017

## KẾ HOẠCH

### Ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin năm 2018

Thực hiện Quyết định số 1841/QĐ-STNMT ngày 24/12/2015 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020. Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch Ứng dụng Công nghệ thông tin năm 2018 với các nội dung chính như sau:

#### I. MỤC TIÊU:

##### 1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nâng cao chỉ số cải cách hành chính và công tác bảo đảm an toàn thông tin.

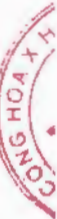
- Ứng dụng CNTT với cải cách hành chính nhằm cung cấp, minh bạch thông tin trên môi trường mạng; tăng cường việc trao đổi, sử dụng văn bản điện tử; tăng cường việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính công trực tuyến.

##### 2. Mục tiêu cụ thể:

- Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường đáp ứng việc cung cấp thông tin cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn - biến đổi khí hậu, đo đạc bản đồ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận, xử lý theo cơ chế một cửa điện tử liên thông; trong đó 60% TTHC được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến từ mức độ 3 trở lên.

- 100% cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên thư điện tử để trao đổi công việc hằng ngày; 100% văn bản, tài liệu trao đổi trong cơ quan (trừ văn bản



mật) được gửi trên môi trường điện tử, trong đó có 80% văn bản được sử dụng hoàn toàn dưới dạng điện tử thay thế văn bản giấy.

- 100% CBCCVC và người lao động được trang bị máy tính làm việc; đảm bảo đường truyền, hạ tầng mạng, thiết bị tin học phục vụ ứng dụng CNTT.

- Đào tạo, bồi dưỡng về công tác đảm bảo an toàn thông tin; nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) để đáp ứng yêu cầu công việc.

## **II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

### **1. Hạ tầng CNTT và nhân lực:**

- Hầu hết CBCCVC đều được trang bị máy tính có kết nối đến mạng nội bộ và mạng internet để đảm bảo nhu cầu sử dụng, xử lý công tác chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời đảm bảo trang bị đầy đủ các thiết bị tin học cần thiết khác: máy in, máy scan.

- Hệ thống máy chủ hoạt động liên tục, ổn định đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ liên quan. Hệ thống điều hòa, phòng cháy chữa cháy, điện dự phòng cho phòng máy chủ vẫn còn hạn chế. Một số trang thiết bị tin học đã xuống cấp do thời gian sử dụng đã lâu dẫn đến các sự cố hư hỏng và cấu hình thấp chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

- Sở hiện có đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin (Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường); trong đó số lượng cán bộ chuyên trách CNTT là 4 người (Trình độ chuyên môn: 2 Đại học, 2 Trung cấp).

### **2. Ứng dụng CNTT, hiện đại hóa công tác hành chính trong nội bộ cơ quan:**

- CBCCVC đã được cung cấp tài khoản thư điện tử công vụ. Tuy nhiên, việc sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc hằng ngày còn chưa được thường xuyên.

- Việc sử dụng văn bản điện tử thay thế cho văn bản giấy trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, trao đổi công việc thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành iDesk đã mang lại hiệu quả nhất định.

- Bên cạnh đó, Sở cũng đã ứng dụng các phần mềm ứng dụng CNTT khác phục vụ yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ như Hệ thống thông tin đất đai ViLIS, phần mềm thống kê kiểm kê đất đai TK, hệ thống các phần mềm phục vụ công tác lưu trữ, tài chính, đo đạc và bản đồ,...

### **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

- Trang thông tin điện tử của Sở cung cấp các thông tin chuyên ngành, văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo điều hành về quản lý nhà nước trên lĩnh vực được quy định. Tuy nhiên, Trang thông tin điện tử được xây dựng thiết kế từ lâu, danh mục

chức năng của trang thông tin còn có hạn chế, chưa đáp ứng được các yêu cầu hiện tại đặt ra.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (tại Sở và tại các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai) đã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thông qua phần mềm “Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông” của tỉnh, phần mềm “Hệ thống thông tin đất đai ViLIS”.

- Dịch vụ công trực tuyến được cung cấp cho người dân, doanh nghiệp đều đạt từ mức độ 2 trở lên. Hầu hết trong thực tế người dân chưa quen với việc lựa chọn dịch vụ công trực tuyến, thao tác trên máy tính, mạng.

#### **4. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin:**

- Thực hiện công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo các văn bản hướng dẫn, quy định của các cấp có thẩm quyền về lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Thường xuyên cập nhật, nâng cấp các chương trình hệ thống phiên bản cao hơn. Cài đặt phần mềm phòng chống xâm nhập, tường lửa, antivirus cho hệ thống mạng, máy tính cá nhân, máy chủ. Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ đúng quy trình, quy định.

### **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

#### **1. Phát triển hạ tầng CNTT và nhân lực:**

- Đảm bảo đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước, tác nghiệp của Sở và của ngành. Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCCVC bảo đảm 01 người/máy được kết nối với mạng nội bộ, mạng internet.

- Nâng cấp băng thông để đảm bảo hoạt động ổn định mạng diện rộng (Metronet) kết nối từ Sở Tài nguyên và Môi trường đến Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phục vụ cho hệ thống thông tin đất đai tỉnh.

- Định kỳ hàng năm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành trong cơ quan; tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách về CNTT được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT trong xử lý công việc.

#### **2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan:**

- Đẩy mạnh sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành iDesk, thư điện tử công vụ, phần mềm xử lý nghiệp vụ nhằm đảm bảo công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và việc xử lý các công việc chuyên môn của CBCCVC trên môi trường mạng.

- Triển khai, thực hiện việc ứng dụng chữ ký số trong hoạt động của cơ quan.

- Áp dụng và triển khai hiệu quả các phần mềm ứng dụng chuyên ngành phục vụ công việc chuyên môn như MicroStation, MapInfo, ArcGis,...

### **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

- Cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của Sở để nâng cao hoạt động cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ hành chính; mở rộng phân hệ đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan và cán bộ, công chức thực hiện thủ tục hành chính; công khai và minh bạch các thông tin thuộc thẩm quyền quản lý, 60% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3.

- Ứng dụng phần mềm “Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông” của tỉnh một cách hiệu quả nhằm đảm bảo thời gian trả kết quả, hạn chế các hồ sơ trễ hạn, chậm trễ đáp ứng được nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Tích hợp hệ thống thông tin đất đai ViLIS với Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông IGate. Bên cạnh đó, triển khai ứng dụng liên thông thuế dưới hình thức điện tử.

### **4. An toàn, an ninh thông tin:**

- Thường xuyên cập nhật và phổ biến cho CBCCVC các kiến thức về an toàn thông tin mạng, cảnh báo và cách thức phòng chống các hình thức tấn công, xâm nhập từ bên ngoài.

- Nâng cấp, cập nhật ứng dụng CNTT, trang thông tin điện tử theo quy định về an toàn thông tin; trang bị phần mềm, giải pháp bảo mật cho máy tính cá nhân, máy chủ, hệ thống mạng: phần mềm virus bản quyền cho máy chủ, máy trạm; trang bị tường lửa; giải pháp chống xâm nhập, tấn công mạng; giải pháp kiểm soát dữ liệu ra vào; Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ theo quy định.

- Tuân thủ quy chế bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động nội bộ của Sở ban hành. Định kỳ hàng năm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin trong hệ thống nội bộ. Thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên định kỳ hệ thống mạng do đơn vị quản lý.

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức:**

Tuyên truyền, hướng dẫn về ứng dụng CNTT đến toàn thể CBCCVC của Sở dưới nhiều hình thức như: Tại các buổi họp giao ban định kỳ, họp chuyên đề, hội nghị cơ quan, hội nghị ngành và trên trang thông tin điện tử của Sở,... nhằm

nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tổ chức triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động, từng bước nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, hiện đại hóa công tác hành chính, các lĩnh vực chuyên môn và góp phần xây dựng chính quyền điện tử tại địa phương.

## **2. Giải pháp chỉ đạo, tổ chức, triển khai:**

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tập thể ban lãnh đạo về công tác ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực CNTT là công tác thường xuyên và lâu dài. Đổi mới tư duy, phương thức, cách làm việc truyền thống sang phương thức làm việc có sự hỗ trợ của công nghệ cao; gắn ứng dụng CNTT với cải cách hành chính.

- Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tham mưu, tổ chức triển khai ứng dụng CNTT thuộc phạm vi quản lý của Sở, của ngành, để đảm bảo việc thu thập, xử lý, cập nhật, khai thác thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác, đồng thời đảm bảo việc xây dựng, lưu trữ an toàn Cơ sở dữ liệu; Quản trị hệ thống mạng nội bộ và vận hành công nghệ thông tin đồng bộ, thông suốt; làm tốt công tác tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên môi trường.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc triển khai nghiêm túc các quy chế phối hợp, quy chế sử dụng các hệ thống ứng dụng CNTT chuyên ngành.

## **3. Giải pháp nhân lực:**

Phân công, bố trí 04 cán bộ chuyên trách về CNTT để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ; thường xuyên bố trí cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT và CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý, ứng dụng CNTT, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về mức độ ứng dụng CNTT theo quy định.

## **4. Giải pháp tài chính:**

Xây dựng dự toán và bố trí kinh phí hàng năm cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển, chi thường xuyên và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Hạng mục chương trình, dự án	Quy mô	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị CNTT	Sở	800	Máy tính, máy in, máy scan thế hệ mới

2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tiếp nhận quan trắc tự động liên tục	Sở	500	
3	Thuê bao đường truyền Metronet	Sở	200	
4	Thuê hệ thống máy chủ ảo	Sở	50	
5	Đào tạo, tập huấn CBCCV	Sở	70	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.620</b> <b>(Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng)</b>		

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Chánh văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch này tại đơn vị mình.

- Giao phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện tham mưu về xây dựng và phân bổ nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Giao Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc thực hiện; báo cáo Giám đốc Sở những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông Đắk Lắk;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP-CNTTTNMT.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Thanh Lam**